

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày 08 – 5 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân.
2. Ông Phạm Văn Mười.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 542/2019/TLST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T; địa chỉ: Số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi N, phường C, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trương Yến N, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ tín dụng tiêu dùng của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T chi nhánh tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; địa chỉ: Số 164A, đường Nguyễn Tất T, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền số: 1287/2019/GUQ-CNCM ngày 05/12/2019, có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T địa chỉ: Số 127, đường Nguyễn Tất T, khóm N, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 01/4/2017, chị Nguyễn Thị Hồng T đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) và được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với tổng hạn mức sử dụng là 100.000.000đ nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị T đã thực hiện giao dịch rút tiền đối với 02 thẻ tín dụng nhiều lần và đã thanh toán được cho Ngân

hàng số tiền 164.268.000đ trong đó, thẻ Family chị T đã thanh toán số tiền 90.507.000đ, thẻ Visa chị T đã thanh toán với số tiền 73.761.000đ thì ngưng. Tuy đã được nhắc nhở nhiều lần, nhưng chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/8/2018, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/5/2020, chị T còn nợ Ngân hàng các khoản với số tiền là 184.592.705đ, trong đó: đối với thẻ Family, chị T nợ vốn và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn với tổng số tiền là 90.932.387đ; đối với thẻ Visa, chị T nợ vốn và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn với tổng số tiền là 93.660.318đ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T thanh toán một lần hết số tiền nợ trên.

Đối với chị Nguyễn Thị Hồng T (bị đơn), Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay, có quy định lãi suất cụ thể là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng vào ngày 01/4/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

Mặc dù, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn cũng không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nhưng với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện việc bị đơn có vay, có nợ nguyên đơn đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh và hiện còn nợ nguyên đơn các khoản tính đến ngày 08/5/2020 với tổng số tiền là 184.592.705đ (một trăm tám mươi bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm lẻ năm đồng). Do đó, cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho nguyên đơn cùng lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp.

[3] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng T thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T các khoản tính đến ngày 08/5/2020 với tổng số tiền là 184.592.705đ (một trăm tám mươi bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm lẻ năm đồng) và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu số tiền là 9.230.000đ (chín triệu hai trăm ba chục nghìn đồng - chưa nộp).

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T không phải chịu. Ngày 18/12/2019, Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 4.102.000đ (bốn triệu một trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai số 0001188 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân